

**BỘ TÀI CHÍNH
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1832/TB-BHXH

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam triển khai mua trái phiếu Chính phủ
trên hệ thống giao dịch công cụ nợ trong năm 2026**

Căn cứ Nghị định số 212/2025/NĐ-CP ngày 25/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-BHXH ngày 28/05/2026 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp và quỹ dự phòng rủi ro.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông báo tới các nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ về việc triển khai đầu tư mua trái phiếu Chính phủ trên hệ thống giao dịch công cụ nợ trong năm 2026, cụ thể:

- Thời gian dự kiến giao dịch: Từ quý III/2026;
- Loại hình giao dịch: Giao dịch mua bán thông thường;
- Hình thức giao dịch: Thỏa thuận điện tử có tính chất lựa chọn;
- Đối tác giao dịch: Là nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ năm 2026 theo Quyết định số 4278/QĐ-BTC ngày 23/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp các nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ có nhu cầu giao dịch với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đề nghị gửi văn bản về việc ký Hợp đồng nguyên tắc giao dịch (có mẫu *Hợp đồng nguyên tắc giao dịch trái phiếu kèm theo*) tới địa chỉ: Bảo hiểm xã hội Việt Nam – số 6 Cương Kiên, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện, nếu Quý đơn vị có phát sinh vướng mắc đề nghị liên hệ với Bà Nguyễn Thị Phúc - Chuyên viên Ban Quản lý đầu tư quỹ, số điện thoại 0914.801.384 để được hỗ trợ, giải đáp./. 

Nơi nhận:

- Các nhà tạo lập thị trường tại Thông báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam (để đăng tin);
- Giám đốc BHXH Việt Nam (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTQ. 



Trần Đình Liệu

¹ Trái phiếu: Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương

Số tài khoản của Ngân hàng thanh toán tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: ... (Code Citad: ...)

Người đại diện:

Chức vụ:

Văn bản ủy quyền số:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Hợp đồng này quy định các điều khoản về giao dịch mua bán trái phiếu trên hệ thống giao dịch công cụ nợ.

Điều 2. Loại hình giao dịch

Các bên thực hiện theo loại hình giao dịch mua bán thông thường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương.

Điều 3. Phương thức giao dịch

Các bên thực hiện phương thức giao dịch thỏa thuận đối với các giao dịch trên hệ thống giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 30/2019/TT-BTC.

Điều 4. Hình thức giao dịch

Các bên thực hiện hình thức giao dịch Thỏa thuận điện tử có tính chất lựa chọn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 30/2019/TT-BTC.

Điều 5. Thời gian thực hiện

5.1. Khi có nhu cầu, Bên B gửi yêu cầu chào giá (lệnh Inquiry) trên hệ thống giao dịch trước 9h45 ngày giao dịch (T).

5.2. Bên A, nếu có nhu cầu và trái phiếu giao dịch phù hợp, gửi lệnh chào giá (lệnh Firm) trên hệ thống trước 11h00 ngày giao dịch (T). Các lệnh chào giá sau thời điểm này không được Bên B lựa chọn giao dịch, tuy nhiên không bị coi là vi phạm quy định của Hợp đồng này.

5.3. Nếu lệnh chào giá của Bên A phù hợp với nhu cầu của Bên B, Bên B xác nhận lệnh Firm của Bên A trong thời gian giao dịch của ngày giao dịch (T).

5.4. Thời gian thanh toán: Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch (T+1).

Điều 6. Chuyển giao trái phiếu và thanh toán

6.1. Việc chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu và thanh toán tiền mua trái phiếu giữa các bên phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

6.2. Phí chuyển nhượng, thuế áp dụng đối với việc chuyển nhượng số Trái phiếu (nếu có) do các Bên tự chịu trách nhiệm thanh toán đối với phần nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán

và quy định của công ty chứng khoán nơi các bên mở tài khoản chứng khoán (nếu có) để thực hiện giao dịch.

Điều 7. Khẳng định và cam kết

7.1. Mỗi bên khẳng định với bên kia rằng:

(a) Sau các mốc thời gian quy định tại Điều 5 Hợp đồng này, không bên nào thay đổi thông tin yêu cầu chào giá, lệnh chào giá và hủy lệnh chào giá.

(b) Các bên đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các giao dịch;

(c) Nếu là bên bán, vào thời điểm chuyển giao trái phiếu giao dịch cho bên mua, bên bán có đầy đủ quyền để chuyển giao trái phiếu giao dịch cho bên mua và sau đó bên mua có đầy đủ quyền sở hữu đối với trái phiếu giao dịch mà không phải chịu bất kỳ chi phí hay hạn chế nào.

7.2. Mỗi bên cam kết và khẳng định với bên kia rằng: Sẽ thông báo cho bên kia ngay khi xảy ra một sự kiện vi phạm đối với mình.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các bên

8.1. Bên B có quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Có quyền không xác nhận lệnh Firm (không thực hiện giao kết giao dịch);

(b) Thực hiện chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu giao dịch (nếu là bên bán) hoặc thanh toán tiền mua trái phiếu giao dịch (nếu là bên mua) nếu khớp lệnh.

(c) Tuân thủ các Điều khác của Hợp đồng này và các quy định pháp luật có liên quan.

8.2. Bên A có quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Có nghĩa vụ chào giá với cam kết chắc chắn;

(b) Thực hiện chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu giao dịch (nếu là bên bán) hoặc thanh toán tiền mua trái phiếu giao dịch (nếu là bên mua) nếu khớp lệnh.

(c) Tuân thủ các Điều khác của Hợp đồng này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Vi phạm hợp đồng

Mỗi sự kiện hoặc trường hợp sau đây xảy ra đối với một bên (sau đây gọi là “bên vi phạm”, và Bên kia được gọi là “bên bị vi phạm”) này là một sự kiện vi phạm:

9.1. Bất kỳ bên nào không hoàn thành việc thanh toán mua trái phiếu giao dịch hoặc chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu giao dịch theo đúng kết quả khớp lệnh giao dịch trên hệ thống.

9.2. Bất kỳ bên nào vi phạm các cam kết hay thỏa thuận khác của Hợp đồng này ngoài các trường hợp quy định khoản 9.1 Điều này.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Nếu bất kỳ bên nào (“bên vi phạm”) vi phạm Hợp đồng theo trường hợp được quy định tại khoản 9.1 Điều 9 thì bên vi phạm phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm bằng 8% giá trị giao dịch.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

11.1. Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:

(a) Các bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản và được đại diện hợp pháp của hai bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật.

(b) Một trong hai bên vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 9.1 Điều 9 Hợp đồng này, bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm mà không cần có sự đồng ý của bên vi phạm.

(c) Không mâu thuẫn với điểm (b) nêu trên, một bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt. Nếu việc không thông báo hoặc thông báo chậm trễ mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định pháp luật.

11.2. Việc chấm dứt Hợp đồng này vì bất kỳ lý do nào sẽ không giải phóng bất kỳ bên nào khỏi các trách nhiệm, nghĩa vụ hoặc thỏa thuận nào mà theo Hợp đồng này vẫn còn có hiệu lực hoặc phải thực hiện cho đến khi kết thúc Hợp đồng này và cũng không giải phóng bất kỳ bên nào khỏi nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản nợ nào còn tồn đọng và còn phải thanh toán cho bên kia các nghĩa vụ còn tồn đọng và chưa thực hiện cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

Điều 12. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

12.1. Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

12.2. Trong trường hợp tranh chấp đó không thể giải quyết được thông qua hòa giải, một bên có quyền đưa tranh chấp đó ra tòa án Việt Nam có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 13. Điều khoản thi hành

13.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

13.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được hai bên thống nhất và lập thành văn bản.

13.3. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản chính.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)